TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình về " *Ly hôn* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phùng

2. Ông Võ Văn Tám

***- Thư ký phiên toà*:** ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên sơ cấp

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, về tranh chấp hôn nhân và gia đình *"Xin ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST- HN ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phùng Thị Mỹ P, sinh năm 1980,

Cư trú : tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Châu Phước L, sinh năm 1979,

Cư trú: số A, khóm T, TT P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Chị P xin vắng mặt, anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ theo đơn khởi kiện, biên bản không hòa giải được, ý kiến trình bày của chị Phùng Thị Mỹ P như sau: Chị và anh L sau thời gian tìm hiểu và sống chung như vợ chồng, tổ chức lễ cưới năm 2004 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống ở nhà cha mẹ ruột của chị được khoảng 02 năm để tiện việc nuôi cá, nhưng do nuôi cá lỗ vốn nên vợ chồng chuyển đến nhà cha mẹ ruột của anh L để sinh sống. Đến tháng 04/2012

do vợ chồng làm không có dư tiền, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị có trao đổi với anh L cùng đi lên tỉnh Bình Dương làm thuê để ổn định cuộc sống, nhưng anh L và mẹ ruột anh L không đồng ý nên từ đó chị bỏ đi làm một mình ở tỉnh Bình Dương do cuộc sống kinh tế khó khăn. Từ lúc chị đi làm tỉnh Bình Dương thời gian đầu anh L thỉnh thoảng cũng có đi thăm đến năm 2019 thì không còn tới lui và không còn liên lạc nữa, do thời gian đó vợ chồng không thống nhất được chỗ ở ổn định nên thường xuyên cãi nhau, từ đó vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Do thời gian ly thân đến nay đã lâu, vợ chồng nhiều lần tự hàn gắn nhưng không được nên tình cảm không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Châu Phước L.

Về con chung, tài sản chung và nợ: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Anh Châu Phước L vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý vụ án nên anh không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật, Tuy nhiên anh L vắng mặt trong quá trình công khai chứng cứ và hòa giải là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, anh cũng được tống đạt triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà anh vẫn vắng mặt, chị P cũng có đơn xin vắng mặt, chị có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt anh L và chị P theo Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hôn nhân của anh, chị được xác lập do hai người tự tìm hiểu, tự chung sống, cha mẹ hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới năm 2004, sau đám cưới vợ chồng sống chung gia đình anh L khoảng 2 năm sau đó về bên nhà cha mẹ chị P sinh sống, nhưng làm ăn cũng khó khăn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2012 chị P trao đổi với anh L đi tỉnh Bình Dương làm công nhân để kiếm sống, anh L và gia đình không đồng ý, từ đó chị P đi một mình, thời gian đầu anh L cũng lên xuống thăm chị, đến cuối năm 2019 thì không còn tới lui liên lạc nữa, mỗi người tự lo cuộc sống riêng cho mình và chính thức ly thân từ lúc này, từ khi ly thân đến nay anh chị không tạo điều kiện để hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu ly hôn với anh L là có căn cứ, do anh chị không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh chị không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó đề nghị HĐXX không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản và nợ chung: không có tranh chấp nên không giải quyết

Buộc các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: Chị P đã tham gia phiên công khai chứng cứ và hòa giải có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của mình, chị có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, anh L được tống đạt các văn bản tố tụng cũng như được triệu tập để nghe xét xử đến lần thứ 2, nhưng anh vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt anh, chị theo Điều 227 và Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh L cư trú: khóm T, TT P, huyện P, tỉnh An Giang. Nên chị P khởi kiện xin ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: chị P yêu cầu ly hôn, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là " Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2004 do hai người tự tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn, sau khi cưới anh chị chung sống cùng với cha mẹ của anh L được 2 năm rồi về bên nhà cha mẹ chị P sinh sống, thời gian đầu sống hạnh phúc đến tháng 4/2012 chị trao đổi với anh L lên tỉnh Bình Dương làm công nhân để cải thiện cuộc sống, anh L và gia đình không đồng ý, chị đi 01 mình, thời gian đầu anh L cũng có tới lui thăm chị, đến năm 2019 không còn tới lui, liên lạc nữa anh, chị ly thân cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh, chị không tạo điều kiện để hàn gắn với nhau, mà mọi người tự lo cuộc sống riêng cho mình, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do anh chị không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận, vì hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp do vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình, do đó để cho anh, chị có cuộc sống riêng, nên hội đồng xét xử không công nhận anh, chị là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về quan hệ con chung, tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh L và chị P phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phùng Thị Mỹ P là người xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 9; Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

- Căn cứ Điều 26; Điều 27; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Phùng Thị Mỹ P và anh Châu Phước L là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung, tài sản và nợ chung: không đặt ra để giải quyết

- Về án phí sơ thẩm: chị Phùng Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0005937, ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, anh Châu Phước L không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Chiến